**TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM**

**LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TỈNH BÌNH ĐỊNH**

*\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*



**BỘ CÂU HỎI**

**TÌM HIỂU VỀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG VÀ PHÒNG CHỐNG DỊCH COVID-19**

### Năm - 2020

**MỤC LỤC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Đề mục** | **Số câu** | **Trang** |
| Quy định của pháp luật về ATVSLĐ |  |  |
|  Các văn bản chỉ đạo của Tổng Liên đoàn | 10 | **2** |
|  Quy định pháp luật về ATVSLĐ | 11-95 | **5** |
| Kỹ thuật an toàn lao động | 96-105 | **24** |
| Kỹ thuật vệ sinh lao động | 106-115 | **27** |
| An toàn vệ sinh viên  | 116-126 | **29** |
| Quy định pháp luật và kiến thức về phòng cháy chữa cháy | 127-136 | **32** |
| Phòng chống dịch COVID-19 tại nơi làm việc | 137-150 | **34** |

**CÁC VĂN BẢN CHỈ ĐẠO CỦA TỔNG LIÊN ĐOÀN**

**(10 câu)**

**Câu 1:** Mục tiêu của phong trào “Xanh - Sạch - Đẹp, Bảo đảm an toàn vệ sinh lao động” là gì?

a. Cơ quan, đơn vị ngày càng xanh, sạch và đẹp.

b. Đảm bảo cho điều kiện và môi trường khu vực sản xuất được cải thiện hơn, bớt ô nhiễm.

c. Nâng cao văn hóa an toàn trong sản xuất, giúp cho người lao động càng thêm yêu mến, gắn bó với đơn vị cơ sở, phấn khởi nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm và hiệu quả công tác.

d. Tất cả các mục tiêu trên.

**Câu 2:** Nội dung nào được bổ sung trong Chỉ thị số 04/CT-TLĐ ngày 03/3/2017 của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn về việc tiếp tục đẩy mạnh phong trào “Xanh - Sạch - Đẹp, Bảo đảm an toàn vệ sinh lao động” trong tình hình mới?

a. Tuyên truyền và giáo dục cho công nhân lao động thấy được sự cần thiết phải làm cho môi trường xanh, sạch, đẹp, đảm bảo ATVSLĐ.

b. Xây dựng văn hóa an toàn lao động tại nơi làm việc; bảo đảm ATVSLĐ gắn với bảo vệ môi trường, thúc đẩy việc thực hiện Tăng trưởng xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu.

c. Vận động mọi người giữ gìn an toàn, vệ sinh lao động, làm cho nơi làm việc, nhà xưởng phong quang, gọn sạch.

d. Thực hiện thường xuyên chế độ kiểm tra an toàn, vệ sinh lao động.

**Câu 3:** Phong trào “Xanh - Sạch - Đẹp, Bảo đảm an toàn vệ sinh lao động” được phát động vào thời gian nào?

a. Năm 1994

b. Năm 1995

c. Năm 1996

d. Năm 1997

**Câu 4:** Chỉ thị số 01/CT-TLĐ ngày 19/11/2012 của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn về việc thực hiện thống kê, báo cáo tai nạn lao động trong hệ thống công đoàn quy định: Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phải báo cáo nhanh về Tổng Liên đoàn khi nhận được được thông tin đối với các vụ tai nạn lao động nào?

a. Các vụ tai nạn lao động nhẹ.

b. Các vụ tai nạn lao động làm một người bị thương nặng.

c. Các vụ tai nạn lao động nhẹ, tai nạn lao động làm một người bị thương nặng.

d. Tai nạn lao động chết người và tai nạn lao động có từ hai người bị thương nặng trở lên.

**Câu 5:** Chủ đề Tháng hành động về ATVSLĐ năm 2020 là:

a. Thúc đẩy công tác huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động để phòng ngừa các tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp.

b. Chủ động phòng ngừa và kiểm soát các yếu tố nguy hiểm, có hại tại nơi làm việc để hạn chế tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

c. Đẩy mạnh cải thiện điều kiện lao động và kiểm soát các nguy cơ rủi ro về an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc.

**Câu 6:** Tháng hành động về ATVSLĐ phát động vào tháng nào hàng năm?

a. Tháng 3

b. Tháng 4

c. Tháng 5

d. Tháng 6

**Câu 7:** Tháng hành động về ATVSLĐ bắt đầu tổ chức từ năm nào?

a. Năm 2015

b. Năm 2016

c. Năm 2017

d. Năm 2018

**Câu 8:** Đối tượng tập thể được xét tặng Bằng khen chuyên đề “Xanh - Sạch - Đẹp, Bảo đảm ATVSLĐ” hàng năm là:

a. Công đoàn cơ sở.

b. Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở.

c. Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

d. Công đoàn ngành Trung ương, Công đoàn Tổng Công ty trực thuộc TLĐ.

**Câu 9:** Tiêu chuẩn khen thưởng Cờ thi thi đua chuyên đề “Xanh - Sạch - Đẹp, Bảo đảm ATVSLĐ” hàng năm của Tổng Liên đoàn đối với CĐCS bao gồm:

a. Đạt thành tích xuất sắc tiêu biểu trong số các CĐCS vững mạnh và dẫn đầu phong trào “Xanh - Sạch - Đẹp, Bảo đảm ATVSLĐ” của ngành địa phương; không có tai nạn lao động nặng, tai nạn lao động chết người; không có cháy nổ nghiêm trọng; không tăng thêm số người mắc bệnh nghề nghiệp so với năm trước.

b. Đạt thành tích xuất sắc tiêu biểu trong số các CĐCS vững mạnh và dẫn đầu phong trào “Xanh - Sạch - Đẹp, Bảo đảm ATVSLĐ” của ngành địa phương; không có tai nạn lao động chết người; không có cháy nổ nghiêm trọng; không tăng thêm số người mắc bệnh nghề nghiệp so với năm trước.

c. Đạt thành tích xuất sắc tiêu biểu trong số các CĐCS vững mạnh và dẫn đầu phong trào “Xanh - Sạch - Đẹp, Bảo đảm ATVSLĐ” của ngành địa phương; không có tai nạn lao động chết người; không có cháy nổ nghiêm trọng.

**Câu 10:** Đối tượng cá nhân nào được ưu tiên xét tặng Bằng khen chuyên đề “Xanh - Sạch - Đẹp, Bảo đảm ATVSLĐ” của Tổng Liên đoàn?

a. Công nhân trực tiếp sản xuất.

b. Cán bộ làm công tác ATVSLĐ.

c. Cán bộ công chức.

**QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG**

**Câu 11:** Theo quy định, người lao động có quyền rời bỏ nơi làm việc khi thấy rõ nguy cơ có thể xảy ra TNLĐ, đe doạ đến tính mạng hoặc sức khỏe của mình nhưng:

a. Phải báo ngay với người quản lý trực tiếp mà vẫn được trả đủ tiền lương và không bị coi là vi phạm kỷ luật lao động.

b. Phải báo ngay với người quản lý trực tiếp, được trả 50% tiền lương và không bị coi là vi phạm kỷ luật lao động.

c. Phải báo ngay với người quản lý trực tiếp, được trả 30% tiền lương và không bị coi là vi phạm kỷ luật lao động.

**Câu 12:** Theo quy định, người lao động làm việc theo Hợp đồng lao động có bao nhiêu quyền và nghĩa vụ?

a. 6 quyền và 3 nghĩa vụ.

b. 7 quyền và 3 ngĩa vụ.

c. quyền và 4 nghĩa vụ.

**Câu 13:** Theo quy định, khi xảy ra nguy cơ gây mất ATVSLĐ tại nơi làm việc thì người lao động phải làm gì?

a. Ngăn chặn nguy cơ trực tiếp gây mất ATVSLĐ, hành vi vi phạm quy định ATVSLĐ tại nơi làm việc.

b. Báo cáo kịp thời với người có trách nhiệm.

c. Chủ động tham gia ứng cứu khắc phục sự cố, TNLĐ theo phương án xử lý sự cố, ứng cứu khẩn cấp hoặc khi có lệnh của người sử dụng lao động hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

d. Cả 3 đáp án trên.

**Câu 14:** Người lao động có trách nhiệm gì dưới đây trong việc bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc?

a. Chấp hành quy định, nội quy, quy trình, yêu cầu về an toàn, vệ sinh lao động.

b.Tuân thủ pháp luật và nắm vững kiến thức, kỹ năng về các biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc.

c. Phải tham gia huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động trước khi sử dụng các máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động.

d. Tất cả các trách nhiệm trên.

**Câu 15:** Theo quy định, người sử dụng lao động có mấy quyền và nghĩa vụ về công tác ATVSLĐ?

a. 6 quyền và 3 nghĩa vụ.

b. 5 quyền và 3 ngĩa vụ.

c. 4 quyền và 7 nghĩa vụ.

**Câu 16:** Người sử dụng lao động có nghĩa vụ nào dưới đây?

a. Tổ chức huấn luyện, hướng dẫn các quy định, nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm ATVSLĐ.

b. Trang bị đầy đủ phương tiện, công cụ lao động, bảo đảm ATVSLĐ.

c. Thực hiện việc chăm sóc sức khỏe, khám phát hiện BNN; thực hiện đầy đủ chế độ đối với người bị TNLĐ, BNN cho người lao động.

d. Tất cả các nghĩa vụ trên.

**Câu 17:** Tuyên truyền, phổ biến hoặc huấn luyện cho người lao động quy định, nội quy, quy trình về ATVSLĐ, biện pháp phòng, chống yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại tại nơi làm việc có liên quan đến đến công việc, nhiệm vụ được giao là trách nhiệm của ai?

a. Người sử dụng lao động.

b. Người làm công tác ATVSLĐ.

c. Người làm công tác y tế.

d. An toàn vệ sinh viên.

**Câu 18:** Để tổ chức cho người lao động tham gia hoạt động cải thiện điều kiện lao động, xây dựng văn hóa an toàn lao động tại nơi làm việc, người sử dụng lao động phải phối hợp với ai?

a. Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở.

b. Hội đồng an toàn vệ sinh lao động cơ sở.

c. Người làm công tác an toàn vệ sinh lao động.

d. Mạng lưới an toàn vệ sinh viên.

**Câu 19:** Trong các đáp án dưới đây, đáp án nào thuộc quyền và trách nhiệm của tổ chức công đoàn trong công tác ATVSLĐ?

a. Tham gia với cơ quan nhà nước xây dựng chính sách, pháp luật về ATVSLĐ.

b.Phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước tổ chứcphong trào quần chúng làm công tác an toàn, vệ sinh lao động.

c. Phối hợp với cơ quan nhà nước thanh tra, kiểm tra , giám sát việc thực hiện chính sách pháp luật về ATVSLĐ có liên quan đến quyền, nghĩa vụ của người lao động.

d. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 20:** Khi phát hiện nơi làm việc có yếu tố có hại hoặc yếu yếu tố nguy hiểm đến sức khỏe, tính mạng của con người trong quá trình lao động, tổ chức công đoàn thực hiện ngay việc gì sau đây?

a. Yêu cầu cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có trách nhiệm thực hiện ngay biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động, thực hiện các biện pháp khắc phục kể cả trường hợp phải tạm ngừng hoạt động.

b. Yêu cầu cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có trách nhiệm thực hiện các biện pháp khắc phục kể cả trường hợp phải tạm ngừng hoạt động.

c. Yêu cầu cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có trách nhiệm thực hiện ngay biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động, thực hiện các biện pháp khắc phục.

**Câu 21:** Trong công tác an toàn, vệ sinh lao động, Công đoàn cơ sở có quyền, trách nhiệm nào sau đây?

a. Tham gia, phối hợp với người sử dụng lao động tổ chức kiểm tra công tác an toàn, vệ sinh lao động.

b. Giám sát và yêu cầu người sử dụng lao động thực hiện đúng các quy định về an toàn, vệ sinh lao động.

c. Đại diện cho tập thể người lao động thương lượng, ký kết và giám sát việc thực hiện điều khoản về an toàn, vệ sinh lao động trong thỏa ước lao động tập thể.

d. Tham gia, phối hợp với người sử dụng lao động điều tra tai nạn lao động và giám sát việc giải quyết chế độ, đào tạo nghề và bố trí công việc cho người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

e. Tất cả các quyền và trách nhiệm trên.

**Câu 22:** “Đối thoại với người sử dụng lao động để giải quyết các vấn đề liên quan đến quyền, nghĩa vụ của người lao động, người sử dụng lao động về an toàn, vệ sinh lao động” là quyền và trách nhiệm của ai?

a.Bộ phận y tế.

b. Công đoàn cơ sở.

c. Bộ phận an toàn, vệ sinh lao động.

d. Mạng lưới an toàn, vệ sinh viên.

**Câu 23:** Trong công tác ATVSLĐ, CĐCS phối hợp với người sử dụng lao động thực hiện công việc gì dưới đây?

a. Tổ chức các phong trào thi đua, phong trào quần chúng làm công tác ATVSLĐ.

b. Xây dựng văn hóa an toàn lao động tại nơi làm việc.

c. Tổ chức tập huấn, huấn luyện ATVSLĐ cho cán bộ công đoàn và người lao động.

d. Tất cả các công việc trên.

**Câu 24:** Khi phát hiện nơi làm việc có nguy cơ gây nguy hiểm đến sức khỏe, tính mạng của người lao động thì CĐCS thực hiện ngay việc gì sau đây?

a. Yêu cầu người có trách nhiệm thực hiện ngay biện pháp bảo đảm ATVSLĐ, kể cả trường hợp phải tạm ngừng hoạt động nếu cần thiết.

b. Báo với công đoàn cấp trên trực tiếp.

c. Báo với Ủy ban nhân dân cấp huyện.

**Câu 25:** Các doanh nghiệp không hoạt động trong các ngành nghề có nguy cơ cao về TNLĐ sử dụng bao nhiêu lao động trở lên phải thành lậpphòng an toàn, vệ sinh lao động hoặc bố trí ít nhất 2 người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động theo chế độ chuyên trách?

a. 300 lao động

b. 500 lao động.

c. 700 lao động.

d. 1000 lao động.

**Câu 26:** Người làm công tác chuyên trách an toàn, vệ sinh lao động tại doanh nghiệp là người có trình độ **trung cấp** thuộc chuyên ngành khối kỹ thuật hoặc **trực tiếp làm công việc kỹ thuật** và phải có ít nhất mấy năm kinh nghiệm làm lĩnh vực sản xuất kinh doanh của cơ sở?

a. 3 năm

b. 4 năm

c. 5 năm

**Câu 27:** Thành phần Hội đồng an toàn, vệ sinh lao động cơ sở, đại diện BCH Công đoàn cơ sở là:

a. Phó Chủ tịch Hội đồng

b. Ủy viên Thường trực

c. Thư ký Hội đồng

**Câu 28:** Theo quy định, trong cơ sở sản xuất kinh doanh đối tượng phải tham dự khóa huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và được tổ chức huấn luyện ATVSLĐ cấp giấy chứng nhận sau khi kiểm tra sát hạch đạt yêu cầu gồm đối tượng nào sau đây?

a. Người quản lý phụ trách ATVSLĐ.

b. Người làm công tác ATVSLĐ.

c. Người làm công tác y tế.

d. An toàn vệ sinh viên.

e. Tất cả các đối tượng trên.

**Câu 29:** Theo quy định đối tượng tham dự khóa huấn luyện ATVSLĐ được quy định thành mấy nhóm?

a. 4 nhóm

b. 5 nhóm

c. 6 nhóm

**Câu 30:** Huấn luyện ATVSLĐ nhóm 5 thuộc đối tượng nào sau đây?

a. An toàn vệ sinh viên

b. Người làm công tác y tế

c. Quản đốc phân xưởng

d. Người làm công tác ATVSLĐ

**Câu 31:** Thời gian huấn luyện định kỳ về an toàn, vệ sinh lao động đối với người lao động (nhóm 4) ít nhất là mấy giờ?

a. 8 giờ

b. 16 giờ

c. 24 giờ

**Câu 32:** Người sử dụng lao động có trách nhiệm gì đối với người lao động trong thời gian tham dự huấn luyện theo quy định của pháp luật?

a. Trả đầy đủ tiền lương.

b. Trả 50% tiền lương.

c. Trả lương theo thỏa thuận.

**Câu 33:** Nội dung huấn luyện Nhóm 3 theo quy định tại Nghị định 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ gồm những nội dung nào?

a. Hệ thống chính sách, pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

b. Kiến thức cơ bản về an toàn, vệ sinh lao động.

c. Nội dung huấn luyện chuyên ngành.

d. Tất cả các nội dung trên.

**Câu 34:** Thành phần đoàn điều tra tai nạn lao động cấp cơ sở bao gồm:

a. Người sử dụng lao động hoặc người đại diện.

b. Đại diện Ban chấp hành công đoàn cơ sở hoặc đại diện tập thể người lao động khi chưa thành lập tổ chức công đoàn cơ sở.

c. Người làm công tác an toàn lao động, người làm công tác y tế và một số thành viên khác.

d. Tất cả các thành phần trên.

**Câu 35:** Theo quy định, khi xảy ra tai nạn chết người, người sử dụng lao động có trách nhiệm khai báo ngay với Thanh tra Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi xảy ra tai nạn và Cơ quan Công an cấp huyện đúng hay sai?

a. Đúng

b. Sai

**Câu 36:** Người sử dụng lao động phải thống kê, báo cáo tai nạn lao động tại cơ sở của mình đến cơ quan quản lý nhà nước về lao động cấp tỉnh định kỳ như thế nào?

a. Hàng tháng

b. 06 tháng và hàng năm

c. 3 tháng và 9 tháng

**Câu 37:** Người lao động tham gia bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp bị tai nạn trên tuyến đường đi từ nơi ở đến nơi làm việc hoặc từ nơi làm việc về đến nơi ở được hưởng chế độ tai nạn lao động khi đảm bảo các điều kiện nào dưới đây?

a. Trong khoảng thời gian hợp lý.

b. Do người gây tai nạn vi phạm Luật giao thông.

c. Trên tuyến đường hợp lý và trong khoảng thời gian hợp lý.

d. Trên tuyến đường hợp lý.

**Câu 38:** Những trường hợp nào sau đây, người lao động **không** được hưởng chế độ từ người sử dụng lao động khi bị tai nạn lao động?

a. Tai nạn do người lao động cố ý tự hủy hoại sức khỏe của bản thân.

b. Tai nạn do người lao động sử dụng ma túy.

c. Tai nạn do mâu thuẫn của chính nạn nhân với người gây ra tai nạn mà không liên quan đến việc thực hiện công việc, nhiệm vụ lao động.

d. Cả 3 trường hợp trên.

**Câu 39:** Trường hợp nào sau đây người sử dụng lao động trợ cấp cho người lao động?

a. Người lao động bị TNLĐ do chính họ gây ra.

b. Người lao động bị tai nạn trên tuyến đường đi từ nơi ở đến nơi làm việc. hoặc từ nơi làm việc về đến nơi ở do lỗi của người khác gây ra hoặc không xác định được người gây ra TNLĐ.

c. Cả hai trường hợp trên.

**Câu 40:** Người sử dụng lao động có trách nhiệm bồi thường cho người lao động bị tai nạn lao động mà không hoàn toàn do lỗi của chính người này gây ra và bị bệnh nghề nghiệp với mức như thế nào?

a. Ít nhất bằng 1,5 tháng tiền lương nếu bị suy giảm từ 5% đến 10% khả năng lao động; sau đó cứ tăng 1% được cộng thêm 0,4 tháng tiền lương nếu bị suy giảm khả năng lao động từ 11% đến 80% khả năng lao động.

b. Ít nhất 30 tháng tiền lương cho người lao động bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên.

c. Cả a và b

**Câu 41:** Người lao động được hưởng trợ cấp một lần khi bị suy giảm khả năng lao động ở trường hợp nào sau đây?

a. NLĐ bị suy giảm khả năng lao động từ 31% đến 60%.

b. NLĐ bị suy giảm khả năng lao động từ 5% đến 30%.

c. NLĐ bị suy giảm khả năng lao động từ 5% đến 35%.

**Câu 42:** Người lao động được trợ cấp hàng tháng, khi bị suy giảm khả năng lao động ở trường hợp nào sau đây?

a. NLĐ bị suy giảm khả năng lao động từ 11% đến 15%.

b. NLĐ bị suy giảm khả năng lao động từ 16% đến 30%.

c. NLĐ bị suy giảm khả năng lao động từ 31% trở lên.

**Câu 43:** Người sử dụng lao động có trách nhiệm gì đối với người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp không tham gia bảo hiểm y tế?

a. Thanh toán toàn bộ chi phí y tế.

b. Thanh toán 50% chi phí y tế.

**Câu 44:** Giới thiệu để người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp được giám định y khoa xác định mức độ suy giảm khả năng lao động là trách nhiêm của ai?

a. Đoàn điều tra tai nạn.

b. Ban chấp hành công đoàn cơ sở.

c. Người sử dụng lao động.

**Câu 45:** Điều kiện để người lao động bị TNLĐ, BNN được hỗ trợ kinh phí phục hồi chức năng từ Quỹ bảo hiểm TNLĐ, BNN?

a. Được cơ sở khám bệnh, chữa bệnh chỉ định phục hồi chức năng lao động.

b. Suy giảm khả năng lao động từ 31% trở lên do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

c. Đáp án a, b

**Câu 46:** Trong trường hợp người sử dụng lao động không đóng bảo hiểm TNLĐ, BNN cho người lao động thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, khi người lao động bị TNLĐ, BNN thì người sử dụng lao động phải chi trả cho người lao động các khoản sau:

a. Bồi thường hoặc trợ cấp theo quy định trách nhiệm của người sử dụng lao động đối với người bị TNLĐ, BNN và trả khoản tiền tương ứng với chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

b. Bồi thường hoặc trợ cấp theo quy định trách nhiệm của người sử dụng lao động đối với người bị TNLĐ, BNN.

c.Bồi thường hoặc trợ cấp theo quy định trách nhiệm của người sử dụng lao động đối với người bị TNLĐ, BNN và trả 50% khoản tiền tương ứng với chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

**Câu 47:** Hiện nay, Việt Nam có bao nhiêu bệnh nghề nghiệp được hưởng bảo hiểm xã hội?

a. 32

b. 34

c. 36

**Câu 48:** Hồ sơ hưởng chế độ Bảo hiểm TNLĐ bao gồm:

a. Sổ BHXH.

b. Giấy ra viện hoặc trích sao hồ sơ bệnh án sau khi điều trị TNLĐ đối với trường hợp nội trú.

c. Biên bản giám định mức suy giảm khả năng lao động của Hội đồng giám định y khoa.

d. Văn bản đề nghị giải quyết chế độ TNLĐ.

e. Bao gồm tất cả giấy tờ trên.

**Câu 49:** Người sử dụng lao động có thể sử dụng người lao động cao tuổi làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm không quá bao nhiêu năm?

a. 5 năm

b. 6 năm

c. 7 năm

**Câu 50:** Theo quy định, lao động nữ làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm khi mang thai báo cho người sử dụng lao động biết thì được người sử dụng lao động:

 a. Chuyển sang làm công việc nhẹ hơn, an toàn hơn mà không bị cắt giảm tiền lương và quyền, lợi ích cho đến hết thời gian nuôi con dưới 12 tháng tuổi.

b. Giảm bớt 01 giờ làm việc hằng ngày mà không bị cắt giảm tiền lương và quyền, lợi ích cho đến hết thời gian nuôi con dưới 12 tháng tuổi.

c. Cả a và b

**Câu 51:** Người sử dụng lao động được sử dụng người lao động làm thêm giờ khi đáp ứng các yêu cầu:

a. Phải được sự đồng ý của người lao động; Bảo đảm số giờ làm thêm của người lao động không quá 50% số giờ làm việc bình thường trong 01 ngày; trường hợp áp dụng quy định thời giờ làm việc bình thường theo tuần thì tổng số giờ làm việc bình thường và số giờ làm thêm không quá 12 giờ trong 01 ngày; không quá 40 giờ trong 01 tháng; không quá 200 giờ trong 01 năm, trừ trường hợp một số ngành nghề, công việc quy định được làm thêm 300 giờ trong 1 năm.

b. Bảo đảm số giờ làm thêm của người lao động không quá 50% số giờ làm việc bình thường trong 01 ngày.

c. Bảo đảm số giờ làm thêm của người lao động không quá 200 giờ trong 01 năm, trừ trường hợp một số ngành nghề, công việc quy định được làm thêm 300 giờ trong 1 năm.

**Câu 52:** Người lao động làm việc theo ca được nghỉ ít nhất mấy giờ trước khi chuyển sang ca làm việc khác?

a. 6 giờ

b. 12 giờ

c. 24 giờ

**Câu 53:** Theo anh, chịkhi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy trình, biện phápbảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc người sử dụng lao động phải làm gì?

a. Lấy ý kiến của đối tác.

b. Lấy ý kiến của Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở.

c. Lấy ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước.

d. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 54:** Theo anh, chịđểbảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc người sử dụng lao động phải bảo đảm gì?

a. Bảo đảm nơi làm việc phải đạt yêu cầu về không gian, độ thoáng, bụi, hơi, khí độc, phóng xạ, điện từ trường, nóng, ẩm, ồn, rung, các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại khác được quy định tại các quy chuẩn kỹ thuật liên quan và định kỳ kiểm tra, đo lường các yếu tố đó.

b. Bảo đảm có đủ buồng tắm, buồng vệ sinh phù hợp tại nơi làm việc theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế.

c. Bảo đảm máy, thiết bị, vật tư, chất được sử dụng, vận hành, bảo trì, bảo quản tại nơi làm việc theo quy chuẩn kỹ thuật về an toàn, vệ sinh lao động, hoặc đạt các tiêu chuẩn kỹ thuật về an toàn, vệ sinh lao động đã được công bố, áp dụng và theo nội quy, quy trình bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc.

d. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 55:** Theo anh, chịđểbảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc người sử dụng lao động phải trang bị, cấp phát cho người lao động những gì?

a. Trang cấp đầy đủ cho người lao động các phương tiện bảo vệ cá nhân khi thực hiện công việc có yếu tố nguy hiểm.

b. Trang cấp đầy đủ cho người lao động các phương tiện bảo vệ cá nhân khi thực hiện công việc có yếu tố có hại.

c. Trang bị các thiết bị an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc.

d. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 56:** Hằng năm hoặc khi cần thiết người sử dụng lao động phải làm gì đểbảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc?

a. Tổ chức kiểm tra, đánh giá các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại tại nơi làm việc.

b. Tiến hành các biện pháp về công nghệ, kỹ thuật nhằm loại trừ, giảm thiểu yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại tại nơi làm việc, cải thiện điều kiện lao động, chăm sóc sức khỏe cho người lao động.

c. Tổ chức kiểm tra, đánh giá các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại tại nơi làm việc để tiến hành các biện pháp về công nghệ, kỹ thuật nhằm loại trừ, giảm thiểu yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại tại nơi làm việc, cải thiện điều kiện lao động, chăm sóc sức khỏe cho người lao động.

**Câu 57:** Luật ATVSLĐ quy định người sử dụng lao động phải định kỳ làm gì đểbảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc?

a. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng máy, thiết bị.

b. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng máy, thiết bị, vật tư, chất, nhà xưởng, kho tàng.

c. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng máy, thiết bị, vật tư, chất.

d. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 58:** Đối với máy, thiết bị, vật tư và chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc, nơi lưu giữ, bảo quản, sử dụng thì người sử dụng lao động phải có hướng dẫn gì để đảm bảo an toàn?

a. Phải có biển cảnh báo, bảng chỉ dẫn bằng tiếng Việt và ngôn ngữ phổ biến của người lao động và đặt ở vị trí dễ đọc, dễ thấy.

b. Biện pháp thi công.

c. Biện pháp an toàn.

**Câu 59:** Người sử dụng lao động phải kiểm soát các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại tại nơi làm việc bảo đảm nguyên tắc nào?

a. Theo dõi các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại tại nơi làm việc.

b. Thường xuyên giám sát các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại tại nơi làm việc.

c. Thường xuyêntheo dõi, giám sát các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại tại nơi làm việc.

d. Thường xuyên theo dõi, giám sát các yếu tố nguy hiểm tại nơi làm việc.

**Câu 60:** Theo anh,chị cơ sở nhận diện và đánh giá các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại tại nơi làm việc phải dựa trên các nội dung gì?

a. Phân tích đặc điểm, điều kiện lao động, quy trình làm việc có liên quan và kết quả kiểm tra nơi làm việc; Khảo sát người lao động về những yếu tố có thể gây tổn thương, bệnh tật, làm suy giảm sức khỏe của họ tại nơi làm việc.

b. Khảo sát người sử dụng lao động về những yếu tố có thể gây tổn thương, bệnh tật, làm suy giảm sức khỏe của họ tại nơi làm việc.

c. Phân tích quy trình công nghệ có liên quan tại nơi làm việc.

d. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 61:** Để triển khai và đánh giá hiệu quả các biện pháp phòng, chống các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại thì người sử dụng lao động hướng dẫn biện pháp phòng, chống các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại tại nơi làm việc cho ai?

a. Người lao động.

b. Cán bộ quản lý.

c. Người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động.

d. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 62:** Để triển khai và đánh giá hiệu quả các biện pháp phòng, chống các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại, người sử dụng lao động phải lập kế hoạch và tổ chức kiểm tra, đánh giá hiệu quả các biện pháp phòng, chống yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại ít nhất bao lâu?

a. 01 lần/năm; đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, phải được kiểm tra, đánh giá đến cấp tổ, đội, phân xưởng.

b. 02 lần/năm; đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, phải được kiểm tra, đánh giá đến cấp tổ, đội, phân xưởng.

c. 03 lần/năm; đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, phải được kiểm tra, đánh giá đến cấp tổ, đội, phân xưởng.

d. 04 lần/năm; đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, phải được kiểm tra, đánh giá đến cấp tổ, đội, phân xưởng.

**Câu 63:** Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015 quy định người sử dụng lao động phải có phương án xử lý sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng, ứng cứu khẩn cấp và định kỳ làm gì?

a. Tổ chức diễn tập theo quy định của pháp luật.

b. Ban hành quy định về phương án xử lý.

c. Tổ chức thực hành theo quy định.

d. Tổ chức đánh giá.

**Câu 64:** Khi hoạt động của máy, thiết bị, việc sử dụng vật tư, chất, hoạt động lao động tại nơi làm việc có nguy cơ gây tai nạn lao động, sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng người sử dụng lao động phải làm gì?

a. Ra lệnh ngừng ngay hoạt động.

b. Tiếp tục hoạt động.

c. Hoạt động trong một số trường hợp.

**Câu 65:** Người sử dụng lao động không được buộc người lao động tiếp tục làm công việc hoặc trở lại nơi làm việc nếu các nguy cơ xảy ra tai nạn lao động đe dọa nghiêm trọng tính mạng hoặc sức khỏe của người lao động chưa...?

a. Được khắc phục một phần.

b. Được khắc phục.

c. Chuẩn bị có sự cố xảy ra.

**Câu 66:** Luật ATVSLĐ quy định người sử dụng lao động phải thực hiện các biện pháp khắc phục, các biện pháp theo phương án xử lý sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng, ứng cứu khẩn cấp để làm gì?

a. Tổ chức cứu tài sản và môi trường xung quanh.

b. Tổ chức cứu người, tài sản, bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động cho người lao động, người xung quanh nơi làm việc, tài sản và môi trường.

c. Đẩy mạnh sản xuất.

d. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 67:** Khi xảy ra sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng, ứng cứu khẩn cấp người sử dụng lao động phải thông báo cho ai?

a. Thông báo cho Công an huyện.

b. Thông báo cho khách hàng.

c. Kịp thời thông báo cho chính quyền địa phương nơi xảy ra sự cố hoặc ứng cứu khẩn cấp.

d. Kịp thời thông báo cho người lao động.

**Câu 68:** Khi xảy ra sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng làm chết người hoặc làm bị thương nặng từ 02 người trở lên mà nạn nhân không phải là người lao động thuộc quyền quản lý hoặc có người lao động bị nạn nhưng chưa rõ thương vong thì người sử dụng lao động của cơ sở để xảy ra sự cố phải làm gì?

a. Khai báo bằng cách nhanh nhất với thanh tra Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, nơi xảy ra sự cố, Khai báo bằng cách nhanh nhất với Công an cấp huyện nếu nạn nhân bị chết.

b. Khai báo cho Phòng Lao động - Thương binh vã Xã hội.

c. Khai báo bằng cách nhanh nhất cho Phòng Lao động - Thương binh vã Xã hội và Công an cấp xã.

**Câu 69:** Trách nhiệm huy động khẩn cấp nhân lực, vật lực và phương tiện để kịp thời ứng phó sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng xảy ra ở cơ sở sản xuất, kinh doanh, địa phương thuộc về ai?

a. Sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng xảy ra ở cơ sở sản xuất, kinh doanh, địa phương nào thì người sử dụng lao động, địa phương đó có trách nhiệm huy động.

b. Người sử dụng lao động.

c. Người lao động.

**Câu 70:** Luật ATVSLĐ năm 2015 quy định người sử dụng lao động phải thường xuyên phối hợp với Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở để tổ chức cho người lao động tham gia hoạt động gì?

a. Tham gia cải thiện điều kiện lao động, xây dựng văn hóa an toàn lao động tại nơi làm việc.

b. Tham gia cải thiện điều kiện kinh doanh.

c. Tham gia huấn luyện an toàn lao động.

d. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 71:** Luật ATVSLĐ năm 2015 khuyến khích người sử dụng lao động áp dụng các tiêu chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý tiên tiến, hiện đại và áp dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, công nghệ thân thiện với môi trường vào hoạt động sản xuất, kinh doanh nhằm mục đích gì?

a. Nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm.

*b. Cải thiện điều kiện lao động, bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động cho người lao động.*

c. Nâng cao năng lực cạnh tranh.

d. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 72:** Luật an toàn, vệ sinh lao động năm 2015 quy định quan trắc môi trường lao động là hoạt động thu thập, phân tích, đánh giá số liệu đo lường các yếu tố trong môi trường lao động tại nơi làm việc để có biện pháp gì?

a. Để có biện pháp giảm thiểu tác hại đối với sức khỏe, phòng, chống bệnh nghề nghiệp.

b. Để có biện pháp thay thế.

c. Để có biện pháp loại trừ.

**Câu 73:** Đối với yếu tố có hại được Bộ trưởng Bộ Y tế quy định giới hạn tiếp xúc cho phép để kiểm soát tác hại đối với sức khỏe người lao động thì người sử dụng lao động phải tổ chức quan trắc môi trường lao động để đánh giá yếu tố có hại ít nhất bao lâu?

a. Một lần trong một năm.

b. Hai lần trong một năm.

c. Ba lần trong một năm.

**Câu 74:** Luật ATVSLĐ quy định hằng năm, người sử dụng lao động phải tổ chức khám sức khỏe ít nhất mấy lần cho người lao động?

a. Một lần.

b. Hai lần.

c. Ba lần.

**Câu 75:** Luật ATVSLĐ quy định, người sử dụng lao động phải tổ chức khám sức khỏe cho người lao động làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm, người lao động là người khuyết tật, người lao động chưa thành niên, người lao động cao tuổi ít nhất bao nhiêu tháng một lần?

a. 3 tháng một lần.

b. 6 tháng một lần.

c. 12 tháng một lần.

**Câu 76:** Khi khám sức khỏe theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Luật ATVSLĐ, lao động nữ phải được khám nội dung gì?

a. Phải được khám theo yêu cầu của bác sĩ.

b. Phải được khám chuyên khoa phụ sản.

c. Phải được khám theo nguyện vọng cá nhân.

**Câu 77:** Khi khám sức khỏe theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Luật ATVSLĐ, người lao động làm việc trong môi trường lao động tiếp xúc với các yếu tố có nguy cơ gây bệnh nghề nghiệp có được khám phát hiện bệnh nghề nghiệp hay không?

a. Không được khám.

b. Phải được khám.

c. Tùy theo từng điều kiện làm việc.

**Câu 78:** Luật ATVSLĐ quy định người sử dụng lao động phải tổ chức khám sức khỏe cho người lao động trong những trường hợp nào?

a. Trước khi bố trí làm việc và trước khi chuyển sang làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hơn.

b. Sau khi bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp đã phục hồi sức khỏe, tiếp tục trở lại làm việc, trừ trường hợp đã được Hội đồng y khoa khám giám định mức suy giảm khả năng lao động.

c. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 79:** Hằng năm, cơ sở lao động sản xuất kinh doanh phải xây dựng nội dung quản lý vệ sinh lao động, quản lý sức khỏe người lao động trong kế hoạch nào?

a. Kế hoạch sản xuất kinh doanh.

b. Kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động đối với cơ sở.

c. Kế hoạch đầu tư tài chính.

d. Kế hoạch thay đổi dây truyền công nghệ.

**Câu 80:** Việc quản lý, chăm sóc sức khỏe, phòng chống bệnh nghề nghiệp cho người lao động phải được thực hiện từ thời điểm nào?

a. Từ thời điểm nhận hồ sơ tuyển dụng.

b. Từ thời điểm người lao động được tuyển dụng và trong suốt quá trình làm việc tại cơ sở lao động.

c. Từ thời điểm người lao động được tuyển dụng.

**Câu 81:** NSDLĐ phải bố trí, sắp xếp vị trí việc làm phải phù hợp với tình hình sức khỏe của người lao động, không bố trí người bị bệnh nghề nghiệp vào làm việc tại các vị trí lao động có tiếp xúc với yếu tố có hại gây bệnh nghề nghiệp đó khi nào?

a. Khi chưa kiểm soát hoặc giảm thiểu được việc tiếp xúc với các yếu tố có hại này.

b. Khi chưa kiểm soát hoàn toàn.

c. Khi đã kiểm soát hoặc giảm thiểu được việc tiếp xúc với các yếu tố này.

**Câu 82:** Người sử dụng lao động khi thực hiện trang cấp phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động phải bảo đảm các nguyên tắc nào sau đây?

a. Đúng chủng loại, đúng đối tượng, đủ số lượng, bảo đảm chất lượng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

b. Không phát tiền thay cho việc trang cấp phương tiện bảo vệ cá nhân; không buộc người lao động tự mua hoặc thu tiền của người lao động để mua phương tiện bảo vệ cá nhân.

c. Hướng dẫn, giám sát người lao động sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân.

d. Tổ chức thực hiện biện pháp khử độc, khử trùng, tẩy xạ bảo đảm vệ sinh đối với phương tiện bảo vệ cá nhân đã qua sử dụng ở những nơi dễ gây nhiễm độc, nhiễm trùng, nhiễm xạ.

đ. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 83:** Người sử dụng lao động có được phép cấp phát tiền thay cho việc cấp phát phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động hoặc giao tiền cho người lao động tự đi mua?

a. Nghiêm cấm.

b. Được phép.

c. Tùy từng trường hợp.

**Câu 84:** Người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại được người sử dụng lao động bồi dưỡng bằng hiện vật, việc bồi dưỡng bằng hiện vật theo nguyên tắc nào?

a. Giúp tăng cường sức đề kháng và thải độc của cơ thể.

b. Bảo đảm thuận tiện, an toàn, vệ sinh thực phẩm.

c. Thực hiện trong ca, ngày làm việc, trừ trường hợp đặc biệt do tổ chức lao động không thể tổ chức bồi dưỡng tập trung tại chỗ.

d. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 85:** Theo quy định việc bồi dưỡng bằng hiện vật được tính theo định suất hàng ngày và có giá trị bằng tiền tương ứng theo các mức nào?

a. Mức 1: 5.000 đồng; Mức 2: 10.000 đồng; Mức 3: 15.000 đồng; Mức 4: 20.000 đồng.

b. Mức 1: 10.000 đồng; Mức 2: 15.000 đồng; Mức 3: 20.000 đồng; Mức 4: 25.000 đồng.

c. Mức 1: 15.000 đồng; Mức 2: 20.000 đồng; Mức 3: 25.000 đồng; Mức 4: 30.000 đồng.

d. Mức 1: 20.000 đồng; Mức 2: 25.000 đồng; Mức 3: 30.000 đồng; Mức 4: 35.000 đồng.

**Câu 86:** Luật ATVSLĐ quy định nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm được phân loại căn cứ vào đâu?

a. Căn cứ vào đặc điểm, điều kiện lao động đặc trưng của mỗi nghề, công việc.

b. Căn cứ vào môi trường lao động.

c. Căn cứ vào điều kiện lao động.

d. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 87:** Theo anh, chị, hiện nay quy định của pháp luật về Danh mục nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, nguy hiểm do Bộ LĐ-TB&XH ban hành thuộc các điều kiện lao động loại nào?

a. Nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm (Điều kiện lao động loại III) và đặc biệt nặng nhọc, nguy hiểm (Điều kiện lao động loại IV).

b. Nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm (Điều kiện lao động loại IV) và đặc biệt nặng nhọc, nguy hiểm (Điều kiện lao động loại V, VI).

c. Nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm (Điều kiện lao động loại VI) và đặc biệt nặng nhọc, nguy hiểm (Điều kiện lao động loại VII).

**Câu 88:** Người lao động làm công việc có yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại được người sử dụng lao động trang cấp đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân và phải sử dụng như thế nào?

a. Phải sử dụng khi làm việc.

b. Phải sử dụng khi thực hiện nhiệm vụ.

c. Phải sử dụng trong quá trình làm việc.

d. Phí sử dụng khi đi đường

đ. Tất cả các đáp án trên.

 **Câu 89:** Thông tư 36/2019/TT-BLĐTBXH quy định Danh mục bao nhiêu loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động đặc thù quân sự?

a. 43 loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động đặc thù quân sự.

b. 44 loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động đặc thù quân sự.

c. 45 loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động đặc thù quân sự.

d. 46 loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động đặc thù quân sự.

 **Câu 90:** Thông tư 36/2019/TT-BLĐTBXH quy định Danh mục bao nhiêu loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động đặc thù ngành công an?

a. 13 loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động đặc thù ngành công an.

b. 14 loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động đặc thù ngành công an.

c. 15 loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động đặc thù ngành công an.

d. 16 loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động đặc thù ngành công an.

**Câu 91:** Trong quá trình sử dụng máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm định kỳ gì?

a. Định kỳ kiểm tra, thay thế.

b. Định kỳ đánh giá tác động.

c. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng, lập và lưu giữ hồ sơ kỹ thuật an toàn máy, thiết bị, vật tư theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng.

**Câu 92:** Việc sử dụng chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động thực hiện theo quy định của pháp luật về gì?

a. Về hóa chất.

b. Về hóa chất và pháp luật chuyên ngành.

c. Về pháp luật chuyên ngành.

**Câu 93:** Luật ATVSLĐ năm 2015 quy định các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động phải được kiểm định trước khi đưa vào sử dụng và kiểm định định kỳ trong quá trình sử dụng bởi đơn vị nào?

a. Tổ chức hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động.

b. Tổ chức cấp giấy chứng nhận an toàn.

c. Tổ chức huấn luyện an toàn.

d. Cơ quan quản lý nhà nước.

**Câu 94:** Các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động phải có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, trong thời hạn sử dụng, bảo đảm chất lượng, phải được kiểm định theo quy định nào?

a. Quy định tại khoản 1 Điều 31 của Luật ATVSLĐ, trừ trường hợp luật chuyên ngành có quy định khác.

b. Quy định tại khoản 2 Điều 31 của Luật này, trừ trường hợp luật chuyên ngành có quy định khác.

c. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 95:** Luật ATVSLĐ quy định khi đưa vào sử dụng hoặc không còn sử dụng, thải bỏ các loại máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động, tổ chức, cá nhân phải khai báo với những ai?

a. Khai báo cho chính quyền cấp xã.

b. Khai báo chính quyền cấp huyện.

c. Khai báo cho nhà sản xuất.

d. Phải khai báo với cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh) tại nơi sử dụng theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 33 của Luật ATVSLĐ, trừ trường hợp luật chuyên ngành có quy định khác.

**KỸ THUẬT AN TOÀN LAO ĐỘNG**

**Câu 96:** An toàn lao động là gì?

 a. An toàn lao động là giải pháp phòng, chống tác động của các yếu tố nguy hiểm nhằm bảo đảm không xảy ra thương tật, tử vong đối với con người trong quá trình lao động.

 b. An toàn lao động là không xảy ra tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp.

 c. An toàn lao động là giải pháp phòng, chống tác động của yếu tố có hại gây bệnh tật, làm suy giảm sức khỏe cho con người trong quá trình lao động.

**Câu 97:** Yếu tố nguy hiểm là gì?

 a. Yếu tố nguy hiểm là yếu tố gây mất an toàn, làm tổn thương hoặc gây tử vong cho con người trong quá trình lao động.

 b. Yếu tố nguy hiểm là yếu tố có thể gây ra tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp.

 c. Yếu tố nguy hiểm là yếu tố gây ra cháy, nổ, mất an toàn lao động.

 d. Yếu tố nguy hiểm là yếu tố có hại.

**Câu 98:** Thế nào là tai nạn lao động?

 a. Tai nạn lao động là tai nạn gây tổn thương cho bất kỳ bộ phận, chức năng nào của cơ thể hoặc gây tử vong cho người lao động, xảy ra trong quá trình lao động, gắn liền với việc thực hiện công việc, nhiệm vụ lao động.

 b. Tai nạn lao động là tai nạn gây tổn thương cho người lao động có tỷ lệ thương tật từ 5 đến 10%.

 c. Tai nạn lao động là tai nạn gây tổn thương cho người lao động trong quá trình lao động sản xuất.

**Câu 99:** Sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động là gì?

 a. Là việc gây ra cháy, nổ, tai nạn lao động.

 b. Là hư hỏng của máy, thiết bị, vật tư, chất vượt quá giới hạn an toàn kỹ thuật cho phép, xảy ra trong quá trình lao động và gây thiệt hại hoặc có nguy cơ gây thiệt hại cho con người, tài sản và môi trường.

 c. Là thiết bị lạc hậu trong quá trình sản xuất gây ra tai nạn lao động.

 d. Cả a,b,c đều sai.

**Câu 100:** Vùng nguy hiểm là gì?

a. Phạm vi, khu vực hoặc không gian nơi có mối nguy hiểm hoặc/và chịu tác động của mối nguy hiểm.

b. Là nơi mà người lao động bị bệnh nghề nghiệp sau quá trình lao động.

c. Cả a và b.

**Câu 101:** Các yếu tố nguy hiểm gây tai nạn lao động trong sản xuất có thể phân thành mấy nhóm cơ bản?

a. 3 nhóm: hóa học, vật lý, cơ học

b. 4 nhóm: hóa học, cơ học, điện, vật lý

c. 5 nhóm: cơ học, điện, hóa chất, nổ, nhiệt.

**Câu 102:** Nêu một số yếu tố nguy hiểm có nguy cơ gây tai nạn lao động trong sản xuất?

 a. Những hóa chất độc; nguồn nhiệt; nguồn điện; nổ vật lý; nổ hoá học; những yếu tố vi khí hậu xấu; vi sinh vật có hại; bức xạ và phóng xạ.

 b. Vật văng bắn; vật rơi, đổ, sập; các bộ phận truyền động và chuyển động; nguồn nhiệt; nguồn điện; nổ.

 c. Những vật văng bắn; vật rơi, đổ, sập; tiếng ồn và rung động; bức xạ và phóng xạ; những yếu tố vi khí hậu xấu.

 d. Vật văng bắn; bức xạ và phóng xạ; vật rơi, đổ, sập; bụi, ồn, hóa chất, những yếu tố vi khí hậu xấu; vi sinh vật có hại.

 **Câu 103:** Các nguyên nhân nào sau đây do tổ chức - kỹ thuật không tốt gây tai nạn lao động?

a. Tổ chức chỗ làm việc không hợp lý, chật hẹp, thao tác gò bó; mặt bằng sản xuất, đường đi lại, vận chuyển không an toàn.

b. Bố trí, sắp đặt máy móc, thiết bị, dụng cụ, nguyên vật liệu, thành phẩm sai nguyên tắc an toàn.

c. Không huấn luyện hoặc huấn luyện ATVSLĐ không đạt yêu cầu và không cung cấp hoặc cung cấp trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động không đúng chủng loại, không đảm bảo chất lượng.

d. Tất cả các nguyên nhân trên.

 **Câu 104:** Hệ thống tín hiệu, biển hiệu nhằm mục đích chính là gì?

1. Đảm bảo khoảng cách an toàn.
2. Không cho yếu tố nguy hiểm tác động lên NLĐ.
3. Báo trước cho người lao động sự cố có thể xảy ra và đưa ra hướng dẫn, quy định.
4. Không cho tai nạn xảy ra.

**Câu 105:** Các loạitín hiệu, báo hiệu nào sau đây được áp dụng để phòng ngừa tai nạn lao động?

a. Ánh sáng, màu sắc, mầu sơn, hình vẽ, bảng chữ.

b. Âm thanh.

c. Đồng hồ, dụng cụ đo lường.

d. Tất cả các loại thiết bị tín hiệu, báo hiệu trên.

**KỸ THUẬT VỆ SINH LAO ĐỘNG**

**Câu 106:** Vệ sinh lao động là gì?

 a. Vệ sinh lao động là giải pháp phòng, chống tác động của các yếu tố nguy hiểm nhằm bảo đảm không xảy ra thương tật, tử vong đối với con người trong quá trình lao động.

 b. Vệ sinh lao động là giải pháp an toàn nhất trong quá trình lao động.

 c. Vệ sinh lao động là giải pháp phòng, chống tác động của yếu tố có hại gây bệnh tật, làm suy giảm sức khỏe cho con người trong quá trình lao động.

**Câu 107:** Yếu tố có hại là gì?

 a. Yếu tố có hại là yếu tố gây mất an toàn, làm tổn thương hoặc gây tử vong cho con người trong quá trình lao động.

b. Yếu tố có hại là yếu tố gây bệnh tật, làm suy giảm sức khỏe con người trong quá trình lao động.

c. Yếu tố có hại là yếu tố tác động làm người lao động bị bệnh nghề nghiệp sau quá trình lao động.

**Câu 108:** Bệnh nghề nghiệp là gì?

 a. Là bệnh phát sinh do điều kiện lao động có hại của nghề nghiệp tác động đối với người lao động.

 b. Là sự suy giảm sức khỏe do các yếu tố độc hại trong môi trường lao động.

c. Là một hiện tượng bệnh lý do các yếu tố có hại, yếu tố nguy hiểm trong sản xuất gây ra.

**Câu 109:** Quan trắc môi trường lao động là gì?

a.K**iểm tra, đo đạc và theo dõi thường xuyên mang tính định kì thông qua các chỉ tiêu về tính chất vật lý và hóa học của thành phần môi trường.**

**b. Đo đạc, đánh giá các chỉ số vật lý, hóa học trong không khí.**

**c. Thu thập, phân tích, đánh giá số liệu đo lường các yếu tố trong môi trường lao động tại nơi làm việc để có biện pháp giảm thiểu tác hại đối với sức khỏe, phòng chống bệnh nghề nghiệp.**

**Câu 110:** Một số **y**ếu tố có hại liên quan đến quá trình sản xuất là?

a. Tiếng ồn và rung động.

b. Bụi và các hóa chất độc hại trong sản xuất.

c. Điều kiện vi khí hậu trong sản xuất không đảm bảo như: nhiệt độ, độ ẩm, bức xạ nhiệt,…

d. Cả a, b và c

 **Câu 111:** Những yếu tố có hại nào dưới đây có nguy cơ gây bệnh nghề nghiệp trong lao động, sản xuất?

a. Các yếu tố vì khí hậu, ánh sáng, tiếng ồn, rung động không đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh; các loại bụi.

b. Bức xạ và phóng xạ; các hóa chất độc; vi sinh vật có hại; các yếu tố về cường độ lao động, tư thế lao động không hợp lý.

c. Cả a và b.

**Câu 112:** Các yếu tố nào sau đây là yếu tố có hại có thể gây bệnh nghề nghiệp cho người lao động trong quá trình sản xuất?

 a. Bức xạ và phóng xạ.

 b. Tiếng ồn và nguồn nhiệt.

 c. Tiếng ồn và độ rung.

 d. Cả a và c

**Câu 113:** Người lao động làm các nghề, công việc nào sau đây có thể bị bệnh bụi phổi silic?

 a. Khai thác, chế biến quặng và đá có chứa Silic tự do.

 b. Luyện kim, đúc có tiếp xúc với bụi cát; đánh bóng, mài nhẵn bằng cát.

c. Chế tạo, thủy tinh, đồ sành sứ, đồ gốm, gạch chịu lửa.

d. Cả a, b, c.

**Câu 114:** Người lao động làm các nghề, công việc nào sau đây có thể bị bệnh bụi phổi bông?

a. Trồng, thu hoạch, chế biến bông, đay, lanh gai.

b. Sản xuất sợi, chỉ, dệt vải, may mặc.

c. Cả a, b

**Câu 115:** Hãy nêu một số biện pháp tổ chức lao động đảm bảo ATVSLĐ?

a. Bố trí mặt bằng nhà xưởng, đường đi lại và vận chuyển; sắp xếp nguyên vật liệu, bán thành phẩm và thành phẩm bảo đảm an toàn.

b. Bố trí không gian làm việc rộng rãi, tư thế thao tác thoải mái.

c. Huấn luyện ATVSLĐ cho người lao động.

d. Cả a, b và c.

AN TOÀN VỆ SINH VIÊN

**Câu 116:** Luật an toàn vệ sinh lao động 2015 quy định an toàn vệ sinh viên phải có những tiêu chuẩn nào sau đây?

a. Người có kiến thức đầy đủ về an toàn vệ sinh lao động, được chủ doanh nghiệp tín nhiệm.

b. Người có thâm niên công tác từ 5 năm trở lên và phải có kiến thức về an toàn vệ sinh lao động, nhiệt tình với công việc.

c. Là người lao động có trình độ chuyên môn cao, nhiệt tình, gương mẫu và có kiến thức đầy đủ về an toàn vệ sinh lao động.

d. Là người lao động trực tiếp sản xuất, am hiểu chuyên môn, kỹ thuật an toàn vệ sinh lao động, tự nguyện, gương mẫu trong việc chấp hành các quy định về an toàn vệ sinh lao động và được người lao động trong tổ bầu ra.

**Câu 117:** Luật an toàn vệ sinh lao động 2015 quy định mỗi tổ sản xuất trong các cơ sở sản xuất, kinh doanh phải có ít nhất bao nhiêu an toàn vệ sinh viên kiêm nhiệm trong giờ làm việc?

a. 01 An toàn vệ sinh viên.

b. 02 An toàn vệ sinh viên.

c. 03 An toàn vệ sinh viên.

**Câu 118:** Luật an toàn vệ sinh lao động 2015, khi ra quyết định thành lập mạng lưới an toàn vệ sinh viên người sử dụng lao động có phải lấy ý kiến Ban Chấp hành công đoàn cơ sở không?

a.  Có.

b. Không.

c. Nếu thấy cần thiết.

**Câu 119:**Luật an toàn vệ sinh lao động 2015 quy định An toàn vệ sinh viên hoạt động dưới sự quản lý và hướng dẫn của ai?

a. Người sử dụng lao động.

b. Ban chấp hành công đoàn cơ sở.

c. Hội đồng an toàn, vệ sinh lao động cơ sở.

d. Người sử dụng lao động và BCH công đoàn cơ sở.

**Câu 120:** Luật an toàn vệ sinh lao động 2015, quy định An toàn vệ sinh viên có quyền gì sau đây về an toàn, vệ sinh lao động?

a. Được học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, phương pháp hoạt động.

b. Được cung cấp thông tin đầy đủ về biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc.

c. Được yêu cầu người lao động trong tổ ngừng làm việc nếu thấy có nguy cơ trực tiếp gây sự cố, tai nạn lao động.

d. Tất cả các quyền trên.

**Câu 121:** An toàn vệ sinh viên không có quyền nào sau đây về an toàn, vệ sinh lao động?

a. Được dành một phần thời gian làm việc để thực hiện các nhiệm vụ của an toàn, vệ sinh viên.

b. Được hưởng phụ cấp trách nhiệm.

c. Được trả lương cho thời gian thực hiện nhiệm vụ của an toàn, vệ sinh viên.

d. Được yêu cầu công đoàn cơ sở trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động.

**Câu 122:** Theo Luật an toàn vệ sinh lao động 2015 quy định An toàn vệ sinh viên có bao nhiêu nghĩa vụ?

a. Có 3 nghĩa vụ.

b. Có 4 nghĩa vụ.

c. Có 5 nghĩa vụ.

d. Có 6 nghĩa vụ.

**Câu 123:** Theo Luật an toàn vệ sinh lao động 2015 quy định An toàn vệ sinh viên có bao nhiêu quyền?

a. Có 3 quyền.

b. Có 4 quyền.

c. Có 5 quyền.

d. Có 6 quyền.

**Câu 124:** Theo Luật an toàn vệ sinh lao động 2015 quy định An toàn vệ sinh viên có nghĩa vụ nào sau đây?

a. Báo cáo với tổ chức công đoàn hoặc thanh tra lao động khi phát hiện vi phạm về an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc.

b. Kiến nghị với tổ trưởng hoặc cấp trên thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hộ lao động, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động.

c. Tham gia xây dựng kế hoạch an toàn vệ sinh lao động hàng năm.

d. Tất cả các nghĩa vụ trên.

**Câu 125:** Nhiệm vụ nào không phải là nhiệm vụ của An toàn vệ sinh viên?

a. Tổ chức kiểm tra định kỳ về công tác an toàn vệ sinh lao động tại doanh nghiệp.

b. Đôn đốc, nhắc nhở người lao động trong tổ, đội chấp hành các quy tắc về an toàn vệ sinh lao động.

c. Hướng dẫn người lao động sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân.

**Câu 126:** Ai ban hành Quyết định thành lập và Quy chế hoạt động của mạng lưới An toàn vệ sinh viên?

a. Ban chấp hành công đoàn cơ sở.

b. Ban chấp hành công đoàn cơ sở thống nhất với người sử dụng lao động.

c. Người sử dụng lao động thống nhất ý kiến với Ban chấp hành công đoàn cơ sở (nếu cơ sở sản xuất, kinh doanh đã thành lập Ban chấp hành công đoàn cơ sở).

QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VÀ KIẾN THỨC VỀ PCCC

Câu 127: Luật phòng cháy và chữa cháy được qui định đối tượng áp dụng thế nào?

a. Tất cả các cơ sở hoạt động, sản xuất, kinh doanh.

b. Tất cả các cơ quan, tổ chức.

c. Tất cả các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân hoạt động sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam.

d. Tất cả các tổ chức, cá nhân hoạt động, sinh sống trong và ngoài nước.

**Câu128:** Theo quy định của Luật phòng cháy và chữa cháy hằng năm ngày nào sau đây là “Ngày toàn dân phòng cháy và chữa cháy”?

a. Ngày 19 tháng 8

b. Ngày 3 tháng 10

c. Ngày 4 tháng 10

d. Ngày 5 tháng 10

**Câu 129:** Luật phòng cháy và chữa cháy quy định khi có cháy yêu cầu nào được ưu tiên sử dụng cho chữa cháy?

a. Mọi nguồn nước chữa cháy.

b. Mọi nguồn nước và các vật liệu chữa cháy.

c. Các vật liệu chữa cháy phải được ưu tiên sử dụng cho chữa cháy.

d. Mọi nguồn nước và các vật dụng khác.

**Câu 130:** Người trực tiếp chữa cháy, người tham gia chữa cháy mà bị hy sinh, bị thương, bị tổn hại sức khỏe, bị tổn thất về tài sản có được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật không?

a. Không

b. Có

Câu 131: Việc trang bị phương tiện phòng cháy chữa cháy đối với các cơ sở được Luật phòng cháy và chữa cháy quy định như thế nào?

a. Cơ quan, tổ chức, cá nhân phải tự trang bị phương tiện phòng cháy chữa cháy cho cơ sở thuộc phạm vi quản lý của mình.

b. Cơ quan, tổ chức, cá nhân không cần tự trang bị phương tiện phòng cháy chữa cháy cho cơ sở thuộc phạm vi quản lý của mình.

c. Uỷ ban nhân dân cấp xã phải trang bị phương tiện phòng cháy chữa cháy cho cơ sở thuộc phạm vi quản lý.

d. Lực lượng Cảnh sát PCCC có trách nhiệm trang bị cho các cơ sở.

**Câu 132:** Quy trình tổ chức chữa cháy của lực lượng tại chỗ?

a. Báo động cháy 🡪 ngắt điện 🡪 dùng bình chữa cháy, cát, nước dập cháy 🡪 gọi 114.

b. Báo động cháy 🡪 gọi 114 🡪 ngắt điện 🡪 dùng bình chữa cháy, cát, nước dập cháy.

c. Ngắt điện 🡪 báo động cháy 🡪 gọi 114 🡪 dùng bình chữa cháy, cát, nước dập cháy.

**Câu 133:** Khi hàn cắt cần chú ý những điểm gì?

a. Bảo đảm khoảng cách an toàn, di chuyển hoặc che chắn vật liệu dễ cháy.

b. Có phương tiện chữa cháy tại chỗ và có người giám sát.

c. Kiểm tra lại khu vực hàn cắt khi kết thúc.

d. Cả 3 đáp án trên.

**Câu 134:** Trách nhiệm tổ chức xây dựng phương án chữa cháy của cơ sở?

a. Đội trưởng đội phòng cháy và chữa cháy cơ sở.

b. Đội trưởng đội bảo vệ.

c. Người đứng đầu cơ sở.

d. Cả ba đáp án trên.

**Câu 135**: Số điện thoại gọi điện báo cháy được quy định thống nhất trong cả nước?

a. 113

b. 114

c. 141

d. 115

**Câu 136:** Những nguyên tắc cơ bản trong hoạt động Phòng cháy và chữa cháy?

a. Huy động sức mạnh tổng hợp của toàn dân tham gia hoạt động PCCC.

b. Trong hoạt động PCCC lấy phòng ngừa là chính; phải tích cực và chủ động phòng ngừa, hạn chế đến mức thấp nhất các vụ cháy xảy ra và thiệt hại do cháy gây ra.

c. Phải chuẩn bị sẵn sàng lực lượng, phương tiện, phương án và các điều kiện khác để khi có cháy xảy ra thì chữa cháy kịp thời, có hiệu quả.

d. Mọi hoạt động PCCC trước hết phải được thực hiện và giải quyết bằng lực lượng và phương tiện tại chỗ.

e. Cả 4 đáp án trên.

**PHÒNG CHỐNG DỊCH COVID-19 TẠI NƠI LÀM VIỆC**

**Câu 137:** Tại nơi làm việc khi thấy bản thân có biểu hiện sốt, ho, đau họng, khó thở, người lao động cần làm gì?

1. Đến ngay cơ sở y tế gần nhất để được khám và tư vấn.
2. Hạn chế tiếp xúc với những người xung quanh; Báo ngay với người quản lý hoặc cán bộ y tế của cơ sở lao động; Liên hệ với số Hotline của cơ sở y tế địa phương.
3. Nếu trước đó không đi đến hoặc về từ vùng có dịch thì không cần phải khai báo y tế và vẫn làm việc bình thường.

**Câu 138:** Để đảm bảo phòng chống lây nhiễm dịch bệnh COVID-19, cơ sở lao động nên thực hiện biện pháp thông khí nhà xưởng nào sau đây?

1. Thông khí tự nhiên.
2. Sử dụng điều hòa.
3. Kết hợp sử dụng điều hòa và thông khí tự nhiên.

**Câu 139:** Trong các nội dung sau đây, đâu là trách nhiệm của người sử dụng lao để phòng chống dịch bệnh COVID-19 tại nơi làm việc?

1. Thành lập Ban chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh COVID-19 và đảm bảo vệ sinh môi trường, khử khuẩn tại nơi làm việc.
2. Tổ chức đưa người lao động có biểu hiện sốt, ho, khó thở đến cơ sở cách ly y tế tập trung.
3. Tổ chức thông tin, truyền thông về phòng chống dịch bệnh COVID-19 cho người lao động.
4. Cả a và c

**Câu 140:** Đối với các cơ sở lao động có tổ chức ăn ca tập trung, cần phải làm gì để đảm bảo dự phòng lây nhiễm COVID-19?

1. Bố trí vách ngăn giữa các vị trí ngồi ăn đảm bảo giãn cách tối thiểu 1m.
2. Vệ sinh, khử khuẩn bề mặt bàn ăn sau mỗi lượt ăn ca.
3. Bố trí khu vực rửa tay bằng nước sạch và xà phòng trước và sau khi ăn.
4. Cả a,b và c

**Câu 141:** Người lao động cần phải thực hiện rửa tay, sát khuẩn như thế nào để đảm bảo phòng lây nhiễm dịch bệnh COVID-19?

1. Rửa tay thường xuyên với xà phòng hoặc dung dịch sát khuẩn có ít nhất 60% cồn.
2. Rửa tay thường xuyên với xà phòng trong ít nhất 30 giây dung dịch sát khuẩn có ít nhất 70% cồn.
3. Rửa tay thường xuyên với xà phòng trong ít nhất 30 giây dung dịch sát khuẩn có ít nhất 60% cồn.

**Câu 142:** Đối với nền nhà, tường, bàn ghế, các đồ vật trong phòng, phân xưởng, gian bán hàng, các bề mặt có nguy cơ tiếp xúc cao, khu vệ sinh chung vần phải được làm sạch như thế nào để đảm bảo phòng chống dịch COVID-19?

1. Khử khuẩn ít nhất 01 lần/ngày.
2. Lau rửa bằng nước sạch 2 lần/ngày.
3. Khử khuẩn ít nhất 02 lần/ngày.

**Câu 143:** Các vị trí có tiếp xúc thường xuyên tại nơi làm việc như tay nắm cửa, tay vịn cầu thang, tay vịn lan can, nút bấm thang máy, nút bấm tại cây ATM, cây nước uống công cộng…cần phải được làm sạch như thế nào để đảm bảo phòng chống dịch COVID-19?

1. Khử khuẩn ít nhất 01 lần/ngày.
2. Khử khuẩn ít nhất 02 lần/ngày.
3. Khử khuẩn ít nhất 03 lần/ngày.

**Câu 144:** Sau khi kết thúc ca làm việc, người lao động cần làm những việc gì để đảm bảo dự phòng lây nhiễm dịch bệnh COVID-19?

1. Dọn vệ sinh và vứt bỏ rác thải (túi đựng khăn giấy, khẩu trang,…) vào thùng rác có nắp đậy.
2. Rửa tay bằng xà phòng hoặc dung dịch sát khuẩn chứa 60% nồng độ cồn.
3. Giặt sạch quần áo, khẩu trang, vật dụng cá nhân… (đối với loại dùng nhiều lần) sau mỗi ca làm việc.
4. Cả a, b, c.

**Câu 145:** Theo hướng dẫn của Bộ Y tế, để phòng chống lây nhiễm COVID-19, cơ sở lao động cần sử dụng dung dịch khử khuẩn tại nơi làm việcnào sau đây?

1. Dung dịch chứa 0,05% Clo hoạt tính hoặc cồn 70 độ.
2. Dung dịch xà phòng hoặc cồn 60 độ.
3. Dung dịch chứa 0,5% Clo hoạt tính.
4. Cả b và c.

**Câu 146:** Theo hướng dẫn của Bộ Y tế, đối với các thiết bị điện, điện tử như công tác đèn điện, máy tính, điện thoại,…cần thực hiện vệ sinh, khử khuẩn như thế nào?

1. Phun khử khuẩn bằng dung dịch chứa 0,05% Clo hoạt tính.
2. Dùng khăn thấm nước sạch và xà phòng lau sạch các bề mặt thiết bị.
3. Sử dụng cồn 70 độ để lau các bề mặt thiết bị.
4. Cả a, b và c.

**Câu 147:** Trước khi đến nơi làm việc, người lao động cần thực hiện những việc gì để phòng chống lây nhiễm dịch bệnh COVID-19?

1. Thực hiện đầy đủ các biện pháp vệ sinh cá nhân theo khuyến cáo của Bộ Y tế (rửa tay thường xuyên với xà phòng trong ít nhất 30 giây hoặc sử dụng dung dịch sát khuẩn trên 60% nồng độ cồn, giữ vệ sinh khi ho, hắt hơi...).
2. Chuẩn bị các trang thiết bị cá nhân cần thiết cho thời gian làm việc.
3. Tự theo dõi sức khỏe bản thân. Nếu có một trong các biểu hiện sốt, ho, đau họng, khó thở thì chủ động ở nhà hoặc ký túc xá và thông báo cho đơn vị quản lý.
4. Cả a, b và c.

**Câu 148:** Người lao động cần làm gì tại nơi làm việc để phòng chống lây nhiễm dịch bệnh COVID-19?

1. Đeo khẩu trang đúng cách trong suốt thời gian làm việc.
2. Đảm bảo giãn cách 1,5 m khi làm việc, hội họp, ăn ca, tại các khu vực công cộng trong cơ sở lao động.
3. Đảm bảo vệ sinh cá nhân theo khuyến cáo của Bộ Y tế (rửa tay thường xuyên với xà phòng hoặc dung dịch sát khuẩn tay nhanh; che kín mũi, miệng khi ho, hắt hơi; tránh đưa tay lên mắt, mũi, miệng,…).
4. Cả a, b và c.

**Câu 149:** Người lao động làm nghề, công việc có nguy cơ tiếp xúc và lây nhiễm cao với dịch bệnh COVID-19 cần lưu ý những điều gì?

1. Bắt buộc phải sử dụng bộ quần áo phòng hộ (bao gồm cả khẩu trang, kính, mũ, găng tay) trong suốt thời gian làm việc.
2. Sử dụng găng tay phù hợp để giảm tiếp xúc không cần thiết.
3. Khi phải tiếp xúc với trường hợp nghi ngờ mắc bệnh phải sử dụng bộ quần áo phòng hộ (bao gồm cả khẩu trang, kính, mũ, găng tay).
4. Cả b và c.

**Câu 150:** Các khu vực cần vệ sinh, khử khuẩn tại nơi làm việc bao gồm các khu vực nào sau đây?

1. Vị trí làm việc, phòng làm việc, phòng họp, căng tin, khu vực vệ sinh chung và các khu vực dùng chung khác...
2. Khu vực liền kề xung quanh: Tường bên ngoài của phòng làm việc, hành lang, lối đi chung, cầu thang, thang máy, sảnh chờ,...
3. Phương tiện chuyên chở người lao động.
4. Cả a, b và c.